

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 18/12/2024.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hòa.

Ông Lê Văn Được.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30/8/2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HN, ngày 08/11/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 18/2024/QĐST-HN, ngày 26/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ hai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn V xác lập hôn nhân và chung sống với nhau đầu năm 1986 cho đến nay chưa đăng ký kết hôn là do bà không biết quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Nhà nước phát động đăng ký kết hôn quá hạn trong thời hạn 03 năm từ năm 2001 đến năm 2003 nhưng bà không hay biết thông tin này nên không thực hiện. Quá trình chung sống đến năm 2009 thì phát sinh

mâu thuẫn về lối sống ứng xử giao tiếp, ông V bỏ công việc gia đình, không quan tâm đến, ông V thường xuyên uống rượu về nhà là kiếm chuyện gây gỗ, chửi và đánh bà nhiều lần, bà có báo chính quyền áp can thiệp nhưng ông V không sửa đổi nên không chung sống được, đến năm 2010 bà đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương, năm 2018 bà trở về làm đơn yêu cầu chính quyền áp giải quyết ly hôn, ông V có mặt nhưng không ký tên vào biên bản mà bỏ ra về, vợ chồng ly thân không chung sống tính đến nay hơn 14 năm, tình cảm không còn. Nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

- Về nuôi con tên: Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 01/01/1987 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 01/7/1990. Hiện 02 người con đã thành niên, bà không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Bà không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, ông Nguyễn Văn V là bị đơn trong vụ án, ông V vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà L, xử cho bà L được ly hôn với ông V; các con tên Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 01/01/1987 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 01/7/1990, hiện đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc bà L nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy ông Nguyễn Văn V là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, ông V vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy bà L khởi kiện yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông V, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn V xác lập hôn nhân và chung sống với nhau từ đầu năm 1986 đến nay nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/QH10 - Quốc hội khoá X, do ông V, bà L xác lập hôn nhân trước ngày 03/01/1987 nên pháp luật thừa nhận đây là hôn nhân thực tế, vẫn công nhận ông bà là vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn:

Bà Nguyễn Thị L khai: Quá trình chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn về lối sống ứng xử giao tiếp, ông Văn bỏ công việc gia đình, không quan tâm đến, ông V thường xuyên uống rượu về nhà là kiếm chuyện gây gổ, chửi và đánh bà nhiều lần, bà có báo chính quyền áp can thiệp nhưng ông V không khắc phục thay đổi tính tình nên không chung sống được, bà bỏ đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương từ năm 2010 và chấm dứt tình cảm vợ chồng cho đến nay hơn 14 năm. Do vợ chồng sống ly thân quá lâu, bà thấy tình cảm không còn, nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

- *Đối với ông Nguyễn Văn V*: Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông V nhận để ông tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/9/2024 và ngày 09/10/2024 ông V đều vắng mặt không lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được. Ngày 26/11/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất ông V vắng mặt, hôm nay ngày 18/12/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai ông V tiếp tục vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai đề ngày 26/9/2024 ông V đồng ý ly hôn với bà L, lý do vợ chồng sống ly thân hơn 10 năm, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L, ông V xảy ra từ năm 2010 kéo dài đến nay, ông bà đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, ông V, bà L sống ly thân hơn 14 năm, tại phiên tòa bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn với ông V, tại biên bản ghi lời khai đề ngày 26/9/2024 ông V cũng đồng ý ly hôn với bà L. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông V, bà L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà L, xử cho bà L được ly hôn với ông V là đúng quy định của pháp luật.

- *Về nuôi con*: Xét thấy bà L, ông V chung sống sinh 02 người con tên Nguyễn Thị Tú A, sinh ngày 01/01/1987 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 01/7/1990. Hiện 02 người con đã thành niên, các đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về cấp dưỡng, tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả*: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/QH10 - Quốc hội khoá X, tại kỳ họp thứ 7 từ ngày 09 tháng 5 đến ngày 09 tháng 6 năm 2000.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị La .

- *Về hôn nhân:* Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc bà Nguyễn Thị L nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0011255, ngày 30/8/2024 do bà L đứng tên nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Ông Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày ông nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Thanh Lâm